**III. LĨNH VỰC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN (06 TTHC)**

**01. Tên thủ tục hành chính: X*ếp lương cho cán bộ, công chức cấp xã***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo qui định của pháp luật và nộp về Sở Nội vụ.  **Bước 2.** Cán bộ tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thủ tục thì tiếp nhận giải quyết  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa.  - Thời gian buổi sáng từ 7giờ đến 11giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ những ngày nghỉ, ngày lễ).  **Bước 3:** Nhận kết quả tại Sở Nội vụ (hoặc qua đường bưu điện)  - Thời gian buổi sáng từ 7giờ đến 11giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ những ngày nghỉ, ngày lễ). |
| **Cách thức thực hiện** | Tiếp nhận xử lý tại cơ quan (Hồ sơ nộp tại bộ phận Văn thư hoặc gửi theo đường công văn). |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | **1) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ trình của UBND cấp xã;  - Danh sách trích ngang của những cán bộ, công chức đề nghị chuyển xếp lương (tất cả những cán bộ, công chức được đề nghị).  - Các văn bằng, chứng chỉ và sổ bảo hiểm (từng cán bộ, công chức đề nghị chuyển xếp lương).  **2) Số lượng hồ sơ:** 02 (bộ) |
| **Thời gian giải quyết** | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |
| **Cơ quan thực hiện** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch UBND cấp huyện  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức |
| **Kết quả** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Không |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Không |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC** | Không |
| **Căn cứ pháp lý** | *- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*  *- Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.*  *- Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động TB&XH, hướng dẫn thực hiện Nghị định 92.*  *- Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành phân cấp, ủy quyền quản lý công tác tổ chức cán bộ.* |

**02. Tên thủ tục hành chính: *Nâng bậc lương thường xuyên cho cán bộ, công chức cấp xã***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Tổ chức **c**huẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.  **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện, thành phố  - Thời gian Buổi sáng từ 07h30 đến 11h, Buổi chiều từ 13h30 đến 17h vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).  **Bước 3**: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ:  - Trường hợp đầy đủ thì tiếp nhận.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.  **Bước 4**: Trả kết quả cho tổ chức vào các giờ hành chính trong tuần. |
| **Cách thức thực hiện** | Tiếp nhận xử lý tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | **1) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ trình của UBND cấp xã;  - Danh sách trích ngang những người đề nghị nâng lương;  - Hồ sơ của người đề nghị gồm:  + Đơn xin nâng bậc lương thường xuyên của người đề nghị;  + Bản nhận xét quá trình công tác của cơ quan quản lý người đề nghị nâng lương;  + Quyết định lương gần nhất của người đề nghị nâng lương;  **2) Số lượng hồ sơ:** 02 (bộ) |
| **Thời gian giải quyết** | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |
| **Cơ quan thực hiện** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND huyện, thành phố;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức, cá nhân |
| **Kết quả** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Không |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Không |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC** | Cán bộ, công chức có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh quy định tại điểm 1.1 mục II Thông tư số 03/2005/TT-BNV, ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và qua đánh giá đạt đủ 2 (hai) tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương cũ thì được nâng một bậc lương thường xuyên:  - Hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm theo quy định của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.  - Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc không bị bãi nhiệm trong thời gian giữ chức vụ bầu cử.  (Thông tư số 03/2005/TT-BNV, ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ) |
| **Căn cứ pháp lý** | *- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.*  *- Thông tư số 03/2005/TT-BNV, ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ;*  *- Quyết định số 13/2009/QĐ-CT ngày 05/02/2009 về việc ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý công tác tổ chức cán bộ.* |

**03. Tên thủ tục hành chính: *Phê chuẩn thành viên UBND cấp xã đầu nhiệm kỳ***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Tổ chức **c**huẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.  **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện, thành phố  - Thời gian Buổi sáng từ 07h30 đến 11h, Buổi chiều từ 13h30 đến 17h vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).  **Bước 3**: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ:  - Trường hợp đầy đủ thì tiếp nhận.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.  **Bước 4**: Trả kết quả cho tổ chức vào các giờ hành chính trong tuần. |
| **Cách thức thực hiện** | Tiếp nhận xử lý tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | **1) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị phê chuẩn thành viên UBND;  - Nghị quyết của HĐND cấp xã xác nhận kết quả bầu cử thành viên UBND;  - Biên bản kết quả bầu cử thành viên UBND;  - Văn bản thông báo ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ;  - Sơ yếu lý lịch có dán ảnh của từng thành viên UBND;  - Danh sách trích ngang của những thành viên UBND;  **2) Số lượng hồ sơ:** 02 (bộ) |
| **Thời gian giải quyết** | 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |
| **Cơ quan thực hiện** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp huyện  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức |
| **Kết quả** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Không |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Không |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC** | Không |
| **Căn cứ pháp lý** | *- Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*  *- Nghị định số 107/2004/ NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ qui định số lượng Phó Chủ tịch và cơ cấu thành viên UBND các cấp.*  *- Hướng dẫn số 975/HD-BNV ngày 04/5/2004 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn bầu cử thành viên UBND các cấp nhiệm kỳ 2004-2009.* |

**04. Tên thủ tục hành chính: *Phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung, miễm nhiệm, bãi nhiệm thành viên UBND cấp xã.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Tổ chức **c**huẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.  **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện, thành phố  - Thời gian Buổi sáng từ 07h30 đến 11h, Buổi chiều từ 13h30 đến 17h vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).  **Bước 3**: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ:  - Trường hợp đầy đủ thì tiếp nhận.  - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.  **Bước 4**: Trả kết quả cho tổ chức vào các giờ hành chính trong tuần. |
| **Cách thức thực hiện** | Tiếp nhận xử lý tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | **1) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị phê chuẩn thành viên UBND;  - Nghị quyết của HĐND cấp xã xác nhận kết quả bầu cử bổ sung thành viên UBND  - Biên bản kết quả bầu cử bổ sung thành viên UBND;  - Văn bản thông báo ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ;  - Sơ yếu lý lịch có dán ảnh của từng thành viên UBND *(đối với trường hợp miễn nhiệm không cần)*;  - Danh sách trích ngang những người trúng cử *(đối với trường hợp miễn nhiệm không cần)*;  - Đơn xin miễm nhiệm của từng thành viên UBND *(đối với trường hợp miễn nhiệm)*;  - Quyết định thi hành kỷ luật *(đối với trường hợp miễm nhiệm do bị kỷ luật)*;  **2) Số lượng hồ sơ:** 02 (bộ) |
| **Thời gian giải quyết** | 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |
| **Cơ quan thực hiện** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức |
| **Kết quả** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Không |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Không |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC** | Không |
| **Căn cứ pháp lý** | *- Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;*  *- Nghị định số 107/2004/ NĐ-CP ngày 01-4-2004 của Chính phủ qui định số lượng Phó Chủ tịch và cơ cấu thành viên UBND các cấp.*  *- Hướng dẫn số 975/HD-BNV ngày 04/5/2004 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn bầu cử thành viên UBND các cấp nhiệm kỳ 2004-2009.* |

**05. Tên thủ tục hành chính: *Tham mưu thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | 1. Căn cứ nguyên tắc và điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố (gọi tắt là thôn) theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) cho chủ trương thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn. Sau khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Uỷ ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn.  2. Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn về Đề án thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.  3. Đề án thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực ***thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn*** tán thành thì Uỷ ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện.  4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Uỷ ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Uỷ ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.  5. Căn cứ vào hồ sơ trình của Uỷ ban nhân dân cấp huyện và văn bản đề nghị của Sở Nội vụ, Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn. |
| **Cách thức thực hiện** | Tiếp nhận xử lý tại cơ quan hoặc qua đường bưu điện |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | **1) Thành phần hồ sơ bao gồm:**  - Tờ trình đề nghị của UBND cấp xã;  - Đề án của UBND cấp xã;  - Biên bản họp lấy ý kiến cử tri về Đề án;  - Nghị quyết của HĐND cấp xã thông qua Đề án;  **2) Số lượng hồ sơ:** 03 (bộ) |
| **Thời gian giải quyết** | Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Uỷ ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Uỷ ban nhân dân tỉnh. |
| **Cơ quan thực hiện** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch UBND cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức |
| **Kết quả** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Không |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Không |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC** | **Điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố:**  Các thôn nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dãn dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng núi cao, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn mới thì điều kiện thành lập thôn mới:  1. Quy mô hộ gia đình: Đối với địa bàn nông thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên, đối với địa bàn đô thị có từ 150 hộ gia đình trở lên.  2. Các điều kiện khác:  - Thôn phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân.  - Đối với địa bàn nông thôn phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã. |
| **Căn cứ pháp lý** | *- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ;*  *- Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh Kon Tum.* |

**06. Tên thủ tục hành chính: *Ghép cụm dân cư vào thôn***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | Trường hợp không thành lập thôn mới theo quy định thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn gần nhất cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, của cụm dân cư; trình tự, thủ tục ghép cụm dân cư vào thôn như sau:  1. Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản xin chủ trương Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), sau khi có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:  a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn hiện có;  b) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);  c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn sau khi ghép;  d) Diện tích tự nhiên của thôn sau khi ghép (đối với địa bàn nông thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;  đ) Đề xuất, kiến nghị.  2. Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.  3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Uỷ ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Uỷ ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.  Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.  4 Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn. |
| **Cách thức thực hiện** | Tiếp nhận xử lý tại cơ quan (Hồ sơ nộp tại bộ phận Văn thư hoặc gửi theo đường công văn). |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | **1. Thành phần hồ sơ:**  - Tờ trình của Uỷ ban nhân dân cấp xã;  - Đề án ghép cụm dân cư vào thôn; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.  - Biên bản họp lấy ý kiến cử tri về Đề án.  - Nghị quyết của HĐND cấp xã thông qua Đề án.  **2. Số lượng hồ sơ:** 02 (bộ). |
| **Thời gian giải quyết** | Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn. |
| **Cơ quan thực hiện** | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch UBND cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức |
| **Kết quả** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Không |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Không |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC** | Không |
| **Căn cứ pháp lý** | *- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.*  *- Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh Kon Tum.* |